TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:03/2018/DS-ST
Ngày: 05/02/2018.
Về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Hội**.**

Các Hội thẩm nhân dân**:**

1.Ông Lê Thế Lữ;

2.Ông Lê Chánh Ngôn;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa**:** Ông Đinh Văn Dũng – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2017/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2017, về việc: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn**:** Bà Nguyễn Thị L - sinh năm: 1957.

Cư trú tại: Số nhà 66, Thôn HN, xã TT, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Minh Th - sinh năm: 1970.

Cư trú tại: Số nhà 148, thôn HNh xã TT, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Minh G - sinh năm: 1950;

Cư trú tại: Số nhà 66, Thôn HN, xã TT, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Minh G: Bà Vũ Thị H - sinh năm: 1984; cư trú tại Số nhà 66 thôn HN, xã TT, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. (theo giấy ủy quyền ngày 14/7/2017)

3.2. Ông Nguyễn Quốc V - sinh năm: 1968;

Cư trú tại: Số nhà 148, thôn HNh xã TT, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình

Thuận.

(Tại phiên tòa có mặt bà L, bà H, bà T; vắng mặt ông V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa - nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị Minh T quen biết và thường quan hệ làm ăn với nhau, để có vốn chi phí buôn bán thanh long, cũng như làm kinh tế gia đình bà Nguyễn Thị Minh T có mượn của vợ chồng bà số tiền 110.000.000 đồng vào ngày 25/02/2014. Giấy vay tiền ngày 25/02/2014 là do bà Nguyễn Thị Minh T viết, trong quá trình mượn tiền ghi lãi suất 30%/năm. Nhưng trong quá trình trả tiền lãi bà T trả không đúng hạn nên bà không nhớ đã nhận bao nhiêu tiền lãi của bà T. Nếu bà cần lấy lại tiền vốn gốc thì bà thông báo trước cho bà Nguyễn Thị Minh Thùy trước 02 tháng, tuy nhiên sau một thời gian thực hiện thì bà T nhiều lần vi phạm thỏa thuận, không trả lãi đúng hạn, bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T trả số tiền gốc là 110.000.000 đồng nhưng vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T không chịu trả.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Quốc V cùng chịu trách nhiệm trả số tiền đã vay và hiện còn nợ là 110.000.000 đồng cho vợ chồng bà (chồng bà là ông Nguyễn Minh G); bà không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2017 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh T trình bày:

Do có quan hệ quen biết, để có tiền mua bán thanh long và làm kinh tế gia đình nên bà có mượn của vợ chồng bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh G số tiền 110.000.000 đồng vào ngày 25/02/2014. Giấy vay nợ ngày 25/02/2014 là do bà viết, trong giấy vay nợ ngày 25/02/2014 có ghi lãi suất là 30%/năm nhưng thực tế mỗi tháng bà trả 3.300.000 đồng/tháng. Bà đã trả được tiền lãi từ ngày 25/02/2014 đến tháng 7/2017 thì bà không trả nữa. Lý do bà không trả tiếp tiền lãi nữa là do làm kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn nên không có tiền để trả nữa. Hiện nay bà vẫn còn nợ tiền gốc là 110.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho vợ chồng bà Liễu số tiền vay gốc nói trên, đồng thời bà xin bà Nguyễn Thị L không tính tiền lãi nữa. Do làm ăn gặp nhiều khó khăn nên xin bà L cho bà được trả dần số tiền gốc mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

- *Tại phiên tòa, bà Vũ Thị H - là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án - ông Nguyễn Minh G - trình bày:* Bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị L và không bổ sung hay có ý kiến gì thêm.

- *Theo lời khai ngày 12/12/2017, ông Nguyễn Quốc V – là Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án - trình bày:* Ông và bà Nguyễn Thị Minh T có quan hệ là vợ chồng, việc mua bán làm ăn cũng như mượn tiền của bà Nguyễn Thị L không biết, cũng như không trực tiếp giao dịch mà chỉ có mình vợ ông với bà

Liễu có giao dịch vay mượn tiền. Khi gia đình gặp khó khăn về kinh tế thì ông mới biết là vợ ông có mượn tiền của bà L. Nay bà L khởi kiện buộc vợ chồng ông trả số tiền còn nợ là 110.000.000 đồng thì ông đồng ý cũng vợ ông trả nợ. Ông yêu cầu được xin xét xử vắng mặt ông, vì công việc nên không thể tham gia các buổi làm việc với Tòa án.

Vụ án đã được tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam chấp nhận yêu cầu nguyên đơn, buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Quốc V cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh G số tiền vay hiện còn nợ là 110.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh T cư trú tại thôn HN, xã TT, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị L khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Trong biên bản lấy lời khai ngày 12/12/2017, ông Nguyễn Quốc Việt đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông. Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Minh thùy (vợ của ông Việt) cho biết do bận công việc nên ông Việt không đến tham gia phiên tòa được nên đề nghị xét xử vắng mặt. Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Liễu, người đại diện theo ủy quyền của ông Gương là bà Vũ Thị Hợi đều đề nghị xét xử vắng mặt ông Việt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) tiến hành xét xử vắng mặt ông Việt theo quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Minh T và chồng là ông Nguyễn Quốc V phải trả cho vợ chồng bà số tiền mà bà T đã vay và hiện còn nợ là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn

bà Nguyễn Thị Minh T cũng thừa nhận có vay tiền và còn nợ của bà Nguyễn Thị L số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu đồng); đồng thời bị đơn cũng chấp nhận trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ nói trên nhưng theo phương thức trả dần.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ theo các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án, sự thừa nhận của bị đơn phù hợp với nội dung trình bày của nguyên đơn, xác định được việc bị đơn là bà Nguyễn Thị Minh T có vay và hiện còn nợ của nguyên đơn số tiền 110.000.000 (Một trăm mười triệu triệu đồng) là đúng sự thật. Đây là tình tiết, sự kiện nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc thỏa thuận vay tiền giữa bà Nguyễn Thị L với bà Nguyễn Thị Minh T được xác lập vào ngày 25/02/2014 là hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nhằm xác lập quyền và nghĩa vụ của các bên trong giao dịch dân sự; căn cứ vào thời điểm xác lập thỏa thuận giữa hai bên đương sự thì giao dịch vay tiền giữa hai bên chịu sự điều chỉnh của Bộ luật Dân sự 2005. Tuy nhiên, ngày 01/01/2017 thì Bộ luật Dân sự 2015 có hiệu lực, giao dịch vay tiền nói trên vẫn trong quá trình thực hiện, nội dung và hình thức của giao dịch vay tiền giữa hai bên đương sự nói trên phù hợp với quy đinh tại của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì áp dụng các quy định có liên quan của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

Trong đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi; các bên đương sự cũng không yêu cầu xem xét vấn đề liên quan đến tiền lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về quyền và nghĩa vụ liên đới đối với khoản nợ: Theo thừa nhận của các đương sự, xác định được mối quan hệ giữa ông Nguyễn Quốc V và bà Nguyễn Thị Minh T là vợ chồng; trong quá trình giao dịch vay tiền giữa hai bên chỉ có bà T trực tiếp giao dịch với bà Nguyễn Thị L; trong lời khai của mình ông V trình bày mặc dù không trực tiếp cùng với bà T giao dịch vay tiền của bà L nhưng ông cũng biết mục đích vợ ông mượn tiền bà Lu về để chi tiêu, buôn bán, phát triển kinh tế gia đình nên ông phải có trách nhiệm cùng vợ ông là bà T trả số nợ cho bà L. Mặt khác, lời khai của bà T cho rằng mục đích mượn tiền là để chi phí phục vụ kinh tế gia đình nhưng do làm ăn gặp nhiều khó khăn, thua lỗ nên chưa có tiền trả cho bà L. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, HĐXX xác định bà Nguyễn Thị Minh T và ông Nguyễn Quốc V cùng có nghĩa vụ liên đới với nhau về trách nhiệm trả khoản nợ nói trên.

Đối với ý kiến của bị đơn Nguyễn Thị Minh T đề nghị thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn theo phương thức trả dần hàng tháng; tuy nhiên nguyên đơn không đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam đề nghị HĐXX chấp nhận yêu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc buộc vợ chồng

bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Quốc V cùng chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh G số tiền vay còn nợ là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng).

Từ những nhận định trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận.

[5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh G không phải chịu án phí sơ thẩm; bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Quốc V phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:**

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 357, Điều 463, 465, Điều 466, 467, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L; Buộc bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Quốc V liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Minh G số tiền 110.000.000 đồng (*Một trăm mười triệu đồng*).

2. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán cho người được thi hành án.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Minh T, ông Nguyễn Quốc V phải liên đới chịu 5.500.000 đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Minh G số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.750.000 đồng (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) - theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0016900 ngày 28/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Nam.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Quốc V vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hàm Thuận Nam;
- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Nam;
- Lưu: HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Quốc Hội